

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HẢI PHÁT
Số 28A /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/NQ-HĐQT ngày 14/05/2021 của HĐQT về việc thông qua một số nội dung trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo Nghị quyết 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2020 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

1. Bảng cân đối kế toán (đã được kiểm toán):

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2020 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.252,66	5.219,40

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2020 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	219,49	603,1
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	262,47	263,02
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	906,59	1.969,29
4. Hàng tồn kho	859,42	2.288,38
5. Tài sản ngắn hạn khác	4,69	95,61
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.905,88	2.159,13
1. Các khoản phải thu dài hạn	439,44	295,35
2. Tài sản cố định	3,62	129,29
3. Bất động sản đầu tư	596,81	975,39
4. Tài sản dở dang dài hạn	8,54	76,3
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.510,13	325,53
6. Tài sản dài hạn khác	347,34	357,27
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	7.158,54	7.378,53
NGUỒN VỐN		
A. NỢ PHẢI TRẢ	4.005,85	3.757,58
I. Nợ ngắn hạn	2.043,87	2.557,75
II. Nợ dài hạn	1.961,98	1.199,83
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.152,69	3.620,95
1. Vốn cổ phần	2.644,95	2.644,95
2. Thặng dư vốn cổ phần	60,99	60,99
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	446,75	516,43
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		398
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7.158,54	7.378,53

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đã được kiểm toán):

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2020 (tỷ đồng)	
		Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	800,56	1.329,62
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	800,56	1.329,62
4	Giá vốn hàng bán	640,03	990,13
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	160,53	339,49
6	Doanh thu hoạt động tài chính	540,95	147,98
7	Chi phí tài chính	216,80	214,73
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>200,60</i>	<i>194,62</i>
8	Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên danh		(0,88)
9	Chi phí bán hàng	33,71	25,94
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	79,57	117,77
11	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	371,40	128,15
12	Thu nhập khác	26,10	29,26
13	Chi phí khác	9,57	12,74
14	Lợi nhuận khác	16,53	16,52
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	387,93	144,67
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	49,72	45,67
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		1,38
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	338,21	97,62
	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ		92,29
	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		5,33
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		325

(Kèm theo tờ trình này là trích dẫn nội dung cơ bản trong báo cáo tài chính Công ty năm 2020 của Công ty mẹ và hợp nhất đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VP.HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đỗ Quý Hải